

Bản án số: 04/2022/HS-PT
Ngày 13-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Trường.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Quy.
Bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 42/2021/TLPT-HS ngày 04/11/2021 đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thành N do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô Văn Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị B), sinh ngày 15/8/1964, tại huyện B, tỉnh Hà Giang; giấy chứng minh nhân dân số: xxxxxxxxxx, cấp ngày 05/10/2010, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ x, thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có chồng là Đào Văn D, sinh năm 1963; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/12/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đã được xóa án tích); hiện đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bị cáo: Nguyễn Thành N, sinh ngày 29/9/1981, tại huyện B, tỉnh Hà Giang; giấy chứng minh nhân dân số: yyyyyyyyyy, cấp ngày 10/11/2012, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ x, thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962; có vợ là Lý Thị H, sinh năm 1984; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/12/2007, bị Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.000.000 đồng (đã thi hành xong ngày 26/12/2007); hiện đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N:* Ông Ngô Trung K, Luật sư của Văn phòng Luật sư G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:* Ông Ngô Văn Q, sinh năm: 1965; địa chỉ: x, tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ Công văn số 3368/UBND-VP ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang v/v giải quyết nội dung đề nghị của Chi cục thi hành án dân sự huyện B: Chỉ đạo các cơ quan: Công an huyện B; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện B và Ủy ban nhân dân xã T phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự huyện tổ chức cưỡng chế tài sản theo quy định. Ngày 17/7/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã xây dựng Kế hoạch số 255/KH-CCTHADS về việc cưỡng chế thi hành án.

Vào khoảng 08 giờ ngày 11/8/2020, Hội đồng cưỡng chế thi hành án dân sự có mặt tại nhà ông T, bà Y tại thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang để tiến hành cưỡng chế giao tài sản, trong đó: Ông Ngô Văn Q là Chấp hành viên chủ trì. Ông Ngô Văn Q thay mặt Hội đồng cưỡng chế công bố các quyết định cưỡng chế, thông báo các nội dung có liên quan và phân công thành viên Hội đồng cưỡng chế tiến hành các công việc cụ thể để thực hiện cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản. Trong khi Hội đồng cưỡng chế đang thi hành làm việc thì bà Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N đã có hành vi chống đối, ngăn cản Hội đồng cưỡng chế, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Y có hành vi giơ tay giật quyết định cưỡng chế trên tay của ông Q, chỉ tay vào mặt ông Q và có lời lẽ xúc phạm ông Q, không nhất trí cho Hội đồng cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản. Sau đó lực lượng Công an giải thích, bà Y đã chấm dứt hành vi chống đối, không còn ngăn cản Hội đồng cưỡng chế.

Khoảng hơn 08 giờ ngày 11/8/2020, khi Hội đồng cưỡng chế đang làm việc thì Nguyễn Thị L có diện tích đất liền kề bị cưỡng chế, tay cầm một con dao, mang một bình ga (bình ga cũ không còn ga của gia đình) đặt lên ô đất trống (thuộc diện tích đất đã bị cưỡng chế). L dùng dây cao su kéo từ cột nhà mình đến bình ga, đồng thời L dùng lời nói đe dọa Hội đồng cưỡng chế, không cho Hội đồng cưỡng chế vào làm việc ở ô đất trống, mục đích ngăn cản Hội đồng cưỡng chế không cho giao phần đất trống. Lực lượng Công an đã giải thích và mang bình ga để sang phần đất nhà L để Hội đồng cưỡng chế tiếp tục làm việc. Tuy nhiên khi ông Vũ Quang H, ông Lê Quang H và ông Hoàng Ngọc C là thành viên Hội đồng cưỡng chế tiến hành căng thước dây để đo diện tích đất thì L xông tới dùng tay kéo đứt thước dây. Sau đó, L xông vào túm cổ áo ông Q, giật thẻ Hội đồng cưỡng chế đang đeo trên ngực trái của ông Q. Khi ông Q cùng Hội đồng cưỡng chế đang thực hiện việc di chuyển đồ đạc thì L xông tới giật cấp hiệu đang đeo trên cầu vai áo của ông Q, làm cấp hiệu trên cầu vai của ông Q rơi xuống đất. Bị cáo L vừa thực hiện hành vi dùng vũ lực, vừa có lời nói đe dọa Hội đồng cưỡng chế, không cho ai tiến hành cưỡng chế giao đất và có nhiều lời nói xúc phạm danh dự ông Q, chửi ông Q “*mày không đủ tư cách đeo quân hàm, ăn cơm gạo của Nhà nước ...*”, “*mày cưỡng chế cái mà bố mày à ...*”.

Cũng khoảng hơn 08 giờ ngày 11/8/2020, Nguyễn Thành N sinh sống gần diện tích đất liền kề bị cưỡng chế, N thấy Hội đồng cưỡng chế đang tiến hành làm việc, N dùng điện thoại của mình hướng về phía Hội đồng cưỡng chế và nói “*đang covid thế này tập trung đông người như vậy có được không*”, mục đích để tạo áp lực với Hội đồng cưỡng chế. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi Hội đồng cưỡng chế di chuyển đồ đạc của ông M thì N ngăn cản, không cho di dời đồ đạc và không cho Hội đồng cưỡng chế sang ô đất trống, N chỉ tay về phía ông Q đe dọa “*mày mà động vào bất cứ thứ gì thì tao đánh chết*”, N dùng tay đẩy vào người ông Q và có nhiều hành động giơ tay, giơ chân lên định đánh ông Q nhưng bị lực lượng Công an ngăn cản nên không gây thương tích. Đến 17 giờ cùng ngày, khi Hội đồng cưỡng chế thực hiện việc di chuyển bàn thờ thì N ngăn cản quyết liệt, N ngồi ở giữa bậc cầu thang (bậc thứ hai từ trên xuống) đe dọa không cho ai lên khu vực bàn thờ. Sau khi được lực lượng Công an giải thích, động viên, N đã đồng ý để Hội đồng cưỡng chế tiến hành cưỡng chế trong nhà. Tuy nhiên đối với phần đất trống N vẫn chống đối, N giật thước dây, xô đẩy không cho Hội đồng cưỡng chế đo đất, N vừa ngăn cản vừa đe dọa Hội đồng cưỡng chế đo đất, N nói “*chúng mày vào đây tao lia chết luôn, khi nào các bác tao cho chúng mày cưỡng chế thì tao cho vào ...*”.

Hành vi chống đối, cản trở của bị cáo L và bị cáo N diễn ra không liên tục nhưng kéo dài từ khoảng 08 giờ đến 18 giờ 30 phút ngày 11/8/2020, làm cho Hội đồng cưỡng chế không thể thực hiện được công vụ được giao, mặc dù lực lượng Công an và chính quyền địa phương giải thích, động viên, thuyết phục nhiều lần và phải áp dụng nhiều biện pháp bảo vệ thì Hội đồng cưỡng chế mới hoàn thành việc cưỡng chế giao tài sản (cưỡng chế xong vào hồi 21 giờ cùng ngày).

Ngày 11/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang

ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 299, đề nghị Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định: 06 tệp video, 22 tệp ảnh lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu Kingston, 03 tệp video lưu trữ trong 01 đĩa DVD-R. Ngày 17/3/2021, Viện Khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số 242/C09-P6, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 06 tệp video và 22 tệp ảnh lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu Kingston; không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 03 tệp video lưu trữ trong DVD gửi giám định.

Ngày 19/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có yêu cầu định giá tài sản số 30, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tiến hành định giá tài sản đối với 01 thước dây loại vải cuộn 50m, nhãn hiệu LAND được bọc trong một lớp vỏ nhựa cứng màu đỏ, dạng đĩa tròn, dẹt với núm vặn ở giữa, dây cũ đã qua sử dụng. Ngày 25/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã ban hành Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS, kết luận: 01 thước dây loại vải cuộn 50m, nhãn hiệu LAND được bọc trong một lớp vỏ nhựa cứng màu đỏ, dạng đĩa tròn, dẹt với núm vặn ở giữa, dây cũ đã qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330, Điều 17, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330, Điều 17, điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành N;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 năm tù và bị cáo Nguyễn Thành N 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi thi hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2021, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo Bản án số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá cao vì hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; bản thân bị cáo trước đây đã có vi phạm pháp luật nhưng đã được xóa án

tích nhiều năm; từ đó đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ; có nơi cư trú rõ ràng; có các tình tiết giảm nhẹ: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo là bột phát do bức xúc vì mất đất. Bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 01/10/2021, bị cáo Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo Bản án số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, bị cáo cũng cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo là quá cao, vì hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; đây là lần đầu tiên phạm tội của bị cáo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong các giai đoạn tố tụng bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình cư trú tại địa phương luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của nhà nước, có nơi cư trú rõ ràng; ông, bà, bố, mẹ của bị cáo đều là người có công với đất nước. Bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô Văn Q có đơn kháng cáo Bản án số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, cho rằng mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là quá thấp so với hành vi của các bị cáo đã gây ra; hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất uy tín của Chấp hành viên thi hành án dân sự, làm giảm hiệu lực hoạt động của Hội đồng cưỡng chế thi hành án. Ông Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị L là 15 tháng tù và bị cáo Nguyễn Thành N là 12 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi nội dung kháng cáo không xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thành N thay đổi nội dung kháng cáo không xin áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ mà xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021, của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phần tranh luận, người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo, đối với bị cáo Nguyễn Thành N áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên án ngày 27/9/2021; bị cáo Nguyễn Thị L nộp đơn kháng cáo ngày 30/9/2021, bị cáo Nguyễn Thành N nộp đơn kháng cáo ngày 01/10/2021 theo đúng quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô Văn Q nộp đơn kháng cáo ngày 08/10/2021 với nội dung đề nghị tăng mức hình phạt đối với các bị cáo, xét thấy nội dung kháng cáo này không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N có đủ yếu tố cấu thành tội Chống người thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự. Theo đó, Bản án số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tuyên các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N phạm tội Chống người thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo không kháng cáo về tội danh và điều luật áp dụng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L: Hội đồng xét xử thấy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 27/12/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho chính mình. Việc bị cáo phạm tội Chống người thi hành công vụ thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo thể hiện sự ngoan cố chống đối, thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[5] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt 01 (một) năm tù đối với bị cáo Nguyễn Thị L là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[6] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L không đưa ra được các chứng cứ mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N, Hội đồng xét xử thấy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về nhân thân của bị cáo Nguyễn Thành N, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 25/12/2007, bị Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.000.000 đồng. Cũng với những lập luận như đối với bị cáo Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức án 09 (chín) tháng tù, thấp hơn so với bị cáo L do bị cáo N có thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[9] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành N cung cấp cho Tòa án Huân, huy chương của ông nội và bố của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự ngoan cố chống đối nên không thuộc trường hợp cho hưởng án treo. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo là không có căn cứ.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm đồng thuận với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N đề nghị cho hai bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở.

[12] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N phải chịu án phí phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330, Điều 17, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330, Điều 17, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành N.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành N phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm tù và bị cáo Nguyễn Thành N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi thi hành án phạt tù.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo Nguyễn Thành N mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Bắc Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- TAND huyện Bắc Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV06 Công an tỉnh Hà Giang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Trường